

Số: /KH-UBND

Trùng Khánh, ngày tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Trùng Khánh giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 07 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 – 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 2162/KH-UBND, ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Nghị quyết số 41/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2021-2025 huyện Trùng Khánh;

Căn cứ Kế hoạch số 86-KH/HU ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Huyện ủy về Kế hoạch Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững huyện Trùng Khánh giai đoạn 2021-2025 cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2016-2021

Giai đoạn 2016-2021 huyện đã tập trung triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chính sách, dự án của Chương trình, cụ thể: Đầu năm 2016 toàn huyện có 6.203 hộ nghèo chiếm 37,11%; cuối năm 2021 còn 2.623 hộ nghèo chiếm 15,04%; 1.819 hộ cận nghèo chiếm 10,88%. Tỷ lệ giảm nghèo từ năm 2016 đến 2021 toàn huyện giảm được 22,07% với 3.580 hộ thoát nghèo, đưa tỷ lệ hộ nghèo từ 37,11% xuống còn 15,04% vào cuối năm 2021. Đánh giá và xác định hộ nghèo đa chiều được phân tích cụ thể đời sống của người nghèo theo đa chiều thiếu hụt ở 10 chỉ số như sau:

- Tỷ lệ thiếu hụt các chỉ số so với tổng số hộ nghèo;
- Thiếu hụt về tiếp cận dịch vụ y tế: 0,55%;
- Thiếu hụt về bảo hiểm y tế: 9,86%;
- Thiếu hụt về chỉ số trình độ giáo dục của người lớn: 6,13%;
- Thiếu hụt về chỉ số tình trạng đi học của trẻ em: 0,32%;
- Thiếu hụt về chỉ số chất lượng nhà ở: 13,5%;
- Thiếu hụt về diện tích nhà ở: 11%;
- Thiếu hụt về nguồn nước sinh hoạt: 25,3%;
- Thiếu hụt về hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh: 96,4%;
- Thiếu hụt về dịch vụ viễn thông: 16,4%;
- Thiếu hụt về tài sản phục vụ tiếp cận thông tin: 12,9%;

Từ số liệu trên cho thấy đời sống của nhân dân khu vực nông thôn đặc biệt là người nghèo còn rất khó khăn, thiếu thốn về các nhu cầu thiết yếu phục vụ đời sống. Cơ cấu kinh tế chủ yếu là kinh tế nông nghiệp, vấn đề giải quyết việc làm gắn với nâng cao thu nhập cho người lao động gặp nhiều khó khăn, nhất là việc làm cho lao động lúc nông nhàn. Kết cấu hạ tầng các xã và xóm còn nhiều hạn chế, mức độ tiếp cận với các dịch vụ như nước sạch, vệ sinh môi trường, nhà ở, thiết bị thông tin còn ở mức thấp.

Tuy nhiên, kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, nguy cơ tái nghèo cao, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề có bằng cấp và chứng chỉ nghề còn thấp, thiếu việc làm. Việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào thực tiễn còn hạn chế; nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phân bổ thấp so với nhu cầu thực tế của địa phương; việc thực hiện các chính sách hỗ trợ cho người dân theo Chương trình 135 mới chỉ tập trung hỗ trợ trực tiếp giống cây trồng, vật nuôi, vật tư phân bón, hỗ trợ mua sắm máy móc, thiết bị, xây dựng chuồng trại chăn nuôi ... cho các hộ nghèo, cận nghèo mà ít triển khai xây dựng các mô hình điểm để nhân ra diện rộng; chưa chú trọng hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý phát triển sản xuất, cán bộ khuyến nông, khuyến lâm... cán bộ chuyên trách chủ yếu là kiêm nhiệm cho nên khó khăn trong việc tham mưu tổ chức thực hiện các chính sách, dự án của chương trình. Mặt khác, do xuất phát điểm kinh tế - xã

hội của huyện thấp, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, thiên tai, hạn hán, rét đậm, rét hại thường xuyên xảy ra làm ảnh hưởng lớn đến tình hình đời sống và sản xuất của người dân.

II. THỰC TRẠNG NGHÈO GIAI ĐOẠN 2021-2025

Số liệu đánh giá tình hình hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quy định theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025, kết quả cuộc tổng rà soát cuối năm 2021 huyện Trùng Khánh có 5.858 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 33,59%; 2.596 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 14,88%; giai đoạn 2021-2025, Trùng Khánh là huyện nghèo Theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2022 - 2025. Cơ sở hạ tầng còn thiếu, trình độ dân trí thấp hơn các vùng khác trong tỉnh, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, hàng năm thiên tai hạn hán mất mùa thường xuyên xảy ra, các điều kiện cơ bản cuộc sống của người nghèo, người thuộc hộ cận nghèo như: Nhà ở, nước sạch, môi trường, dinh dưỡng còn nhiều khó khăn và ở mức thấp.

III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 24/2021/QH15, Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, được triển khai đồng bộ, kịp thời, thống nhất và có hiệu quả trên địa bàn toàn huyện.

b) Trên cơ sở các nội dung của kế hoạch, các ngành, các cấp xây dựng kế hoạch giai đoạn, hàng năm và tổ chức thực hiện đảm bảo hoàn thành đúng thời hạn, hiệu quả và xác định trách nhiệm của các tổ chức có liên quan trong tổ chức thực hiện Chương trình;

c) Tăng cường công tác phối kết hợp giữa các Phòng, ban, ngành của huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trong việc triển khai thực hiện các hoạt động của Chương trình.

2. Yêu cầu

a) Trong quá trình tổ chức thực hiện các đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn bám sát nhiệm vụ tại kế hoạch để đề xuất các giải pháp, cơ chế chính sách đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương để thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả cao;

b) Các đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xác định các công việc gắn với trách nhiệm, phát huy vai trò chủ động, tích cực; thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai thực hiện Chương trình.

c) Thực hiện tốt các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, xã đặc biệt khó khăn nhằm thực hiện giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; góp phần tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, tăng thu nhập của người dân.

d) Huy động tối đa nguồn lực để thực hiện Chương trình và chịu trách nhiệm về sử dụng nguồn lực đúng mục đích, đạt hiệu quả, tiết kiệm, tránh thất thoát.

IV. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các xã đặc biệt khó khăn.

2. Mục tiêu cụ thể

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo của huyện từ 5,0%/năm trở lên; hộ cận nghèo của huyện từ 1,8%/năm trở lên; tổng hộ nghèo, hộ cận nghèo bình quân 6,0 - 7,0%/năm trở lên (chi tiết phụ lục đính kèm).

- Đến năm 2025 huyện Trùng Khánh phấn đấu đăng ký thoát khỏi tình trạng huyện nghèo.

3. Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được đến năm 2025

3.1. Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình

a) Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 33,59% đầu năm 2022 xuống còn 17,53% vào cuối năm 2025 (mỗi năm giảm bình quân từ 5,0% trở lên), tỷ lệ hộ cận nghèo từ 14,88% đầu năm 2022 xuống còn 6,44% vào cuối năm 2025 (mỗi năm giảm bình quân từ 1,8% trở lên), giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo từ 48,47% đầu năm 2022 xuống còn 24,27% vào cuối năm 2025 (mỗi năm giảm bình quân từ 6,0-7,0% trở lên);

b) 100% các xã, thị trấn được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: Đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, công trình thủy lợi;

c) Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng 40 mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh dịch vụ, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn các xã, thị trấn;

d) Phấn đấu 80% người có khả năng lao động, có nhu cầu phát triển sản xuất thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện, được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật

sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập;

đ) Phấn đấu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững;

e) 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

3.2. Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

a) Chiều thiếu hụt về việc làm:

- 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu về việc làm được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm;

- Tối thiểu 200 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vùng khó khăn được hỗ trợ kết nối việc làm thành công;

- Tối thiểu 100 người lao động được hỗ trợ đào tạo; trong đó, có khoảng 50 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (ít nhất 80% hộ gia đình có người đi làm việc ở nước ngoài sẽ thoát nghèo).

b) Chiều thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi xuống dưới 5%.

c) Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:

- Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt trên 95%;

- Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động vùng khó khăn qua đào tạo đạt 60%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 25%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp;

d) Chiều thiếu hụt về nhà ở: 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện được hỗ trợ nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững;

đ) Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: trên 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 60% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

e) Chiều thiếu hụt về thông tin: 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện, được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

V. PHẠM VI QUY MÔ, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Phạm vi của Chương trình

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 được thực hiện trên phạm vi toàn huyện.

2. Đối tượng của Chương trình

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên phạm vi toàn huyện. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện.

c) Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên, tổ chức dịch vụ việc làm, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn huyện.

d) Các tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Thời gian thực hiện Chương trình: Đến hết năm 2025.

VI. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo

* **Tiểu dự án 1:** Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo

a) Nội dung hỗ trợ: Công trình đầu tư cấp huyện, liên xã phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, gồm:

- Các công trình giao thông, cầu, hạ tầng điện phục vụ dân sinh, sản xuất;
- Các công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia;
- Các công trình y tế đạt chuẩn quốc gia;
- Các công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân;
- Công trình thủy lợi phục vụ sản xuất;
- Các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao;
- Các loại công trình xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội khác do cộng đồng nghèo trên địa bàn huyện nghèo đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc dân tộc, văn hóa, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật, ưu tiên công trình cho các cộng đồng nghèo, công trình có nhiều người nghèo, phụ nữ hưởng lợi.

b) Kinh phí thực hiện: Ngân sách trung ương 205.007 triệu đồng.

c) Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Dự án.

Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Ban Quản lý Dự án chủ trì hướng dẫn các nội dung liên quan đến luật đầu tư công, phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện.

* **Tiểu dự án 2:** Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 về nội dung kế hoạch thực hiện và phương án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương thực hiện Quyết định trước khi phê duyệt đảm bảo không trùng lặp, chặt chẽ, đúng quy định và hiệu quả.

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Đối tượng:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi toàn huyện (người dân sống tại huyện nghèo). Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo triển khai trên địa bàn huyện, mô hình, dự án giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện; Dự kiến thực hiện hỗ trợ cho 650 lượt hộ/năm.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh;

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

c) Kinh phí thực hiện: Ngân sách trung ương 49.052,0 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

3.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Đối tượng:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi toàn huyện; người dân sinh sống trên địa bàn huyện.

- Hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp:

Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định;

- Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng;

- Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thị trường, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

c) Dự kiến hỗ trợ: 1.500 lượt hộ/năm.

d) Kinh phí thực hiện: Ngân sách trung ương 21.226,0 triệu đồng.

đ) Phân công thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức thực hiện.

3.2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Đối tượng:

- Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện.

- Phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

c) Kinh phí thực hiện: Ngân sách trung ương 6.136,0 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện: Phòng Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức thực hiện.

4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

4.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Đối tượng:

- Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp;

- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn huyện;

- Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân có liên quan;

b) Nội dung hỗ trợ:

- Về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên trên địa bàn huyện.

- Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp (gồm: tiêu chuẩn kỹ năng nghề; định mức kinh tế - kỹ thuật; quy định kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp; danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm và thí nghiệm; giá tối đa dịch vụ giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước); phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện;

- Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn huyện;

- Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn huyện;

- Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

c) Kinh phí thực hiện: Ngân sách trung ương 11.192,0 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Dự án.

Trung tâm GDNN-GDTX phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện.

4.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Đối tượng:

- Người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài, cư trú trên địa bàn các huyện nghèo (không bao gồm các địa bàn được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài quy định tại Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030), ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

- Cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ để đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Người lao động sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: tiền đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo (bao gồm cả thời gian tham gia giáo dục định hướng), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động;

- Một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân tộc thiểu số, người lao động sinh sống trên địa bàn huyện. Dự kiến khoảng 60 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

c) Kinh phí thực hiện: Ngân sách trung ương 3.353,0 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện.

4.3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững**a) Đối tượng:**

- Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; Người lao động sinh sống trên địa bàn huyện,

- Các trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn huyện và cơ quan, tổ chức có liên quan;

- Cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực

tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu; Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc; Hỗ trợ giao dịch việc làm;

- Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác; Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động; Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

c) Kinh phí thực hiện: Ngân sách trung ương 3.132,0 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các phòng, ban, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện;

5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các xã, thị trấn.

a) Đối tượng:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2021 - 2025) trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, đang cư trú trên địa bàn huyện và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Chương trình có hiệu lực thi hành tối thiểu 05 năm;

- Đối tượng thụ hưởng dự án không bao gồm các hộ đã được hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và các chương trình, đề án, chính sách khác.

b) Nội dung hỗ trợ: Xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m² “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

c) Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện: Ngân sách Trung ương 56.870,0 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện: Phòng Kinh tế - Hạ tầng chủ trì, phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các cơ quan liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện;

6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

6.1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Đối tượng:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện.

- Huyện nghèo.

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông;

- Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới và cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới;

- Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở (bao gồm cơ sở vật chất cho hoạt động của Đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn), đồn biên phòng để cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội. Trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, nền tảng cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội;

- Hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

c) Kinh phí thực hiện: Ngân sách Trung ương 2.012,0 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện: Phòng Văn hóa - Thông tin và Trung tâm Văn hóa - Truyền thông chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện.

6.2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Đối tượng:

- Người nghèo, người thuộc hộ cận nghèo, người dân sinh sống tại địa bàn huyện;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

b) Nội dung:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững;

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo;

- Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững;

- Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo;

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới;

- Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở;

- Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

c) Kinh phí thực hiện: Ngân sách Trung ương 1.424,0 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp với Trung tâm Văn hóa - Truyền thông, các cơ quan liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện.

7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

7.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

a) Đối tượng:

- Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ;
- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

b) Nội dung:

- Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn;

- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

c) Kinh phí thực hiện: Ngân sách trung ương 3.025,0 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện.

7.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

a) Đối tượng:

- Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

b) Nội dung thực hiện:

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất;

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp;

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

c) Kinh phí thực hiện: Ngân sách trung ương 315.000 triệu đồng;

d) Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 là: 384.613 triệu đồng, trong đó:

1.1 Vốn ngân sách trung ương: 384.613 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư: 206.375 triệu đồng, với 40 dự án.

- Vốn sự nghiệp: 178.238 triệu đồng.

1.2 Vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 14.684 triệu đồng (bố trí cho xóa nhà tạm, nhà dột nát).

1.3. Vốn đối ứng ngân sách huyện: 25.600 triệu đồng (thực hiện dự án 1).

2. Vốn kế hoạch năm 2022: 70.516 triệu đồng (thực hiện dự án 1), chủ yếu là vốn NSTW. Trong đó:

- Vốn ngân sách bố trí dự án khởi công mới là: 64.516 triệu đồng.

- Vốn ngân sách bố trí chuẩn bị đầu tư là: 6.000 triệu đồng.

- Vốn ngân sách trung ương: 13.569 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư: 130 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 13.439 triệu đồng.

2. Ủy ban nhân dân huyện có giải pháp huy động các nguồn lực hợp pháp khác để cùng với nguồn lực ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình bảo đảm hiệu quả.

(Xem Chi tiết tại Phụ lục 02)

VIII. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nguyên tắc thực hiện Chương trình

a) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và trẻ em, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

b) Quy định cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện một số hoạt động của Kế hoạch bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm, điều kiện xã đặc biệt khó khăn huyện nghèo; khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, lãng phí, hiệu quả thấp; không sử dụng vốn của Kế hoạch để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

c) Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân. Ưu tiên các công trình sử dụng

nguyên vật liệu địa phương và sử dụng lao động tại chỗ để tạo thêm sinh kế cho người dân.

d) Phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, các vùng miền gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

đ) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch ở các cấp, các ngành. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực và xử lý nghiêm hành vi tham nhũng, lãng phí và các vi phạm trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

2. Giải pháp huy động vốn, lồng ghép nguồn lực

a) Ngân sách nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, tạo động lực, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế và tăng cường các nguồn huy động, nguồn từ Quỹ vì người nghèo, nguồn đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân; vốn đối ứng, tham gia, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

b) Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quyết định; bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng của các địa phương và trách nhiệm tham gia thực hiện Kế hoạch của người dân, đối tượng thụ hưởng.

c) Lồng ghép nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, việc thực hiện các chính sách giảm nghèo nói chung và các chính sách giảm nghèo đặc thù với các dự án, nội dung thuộc Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện.

3. Cơ chế quản lý, thực hiện

a) Ban Chỉ đạo các cấp: Ủy ban nhân dân các cấp thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 cùng cấp theo quy định hiện hành.

b) Về cơ chế thực hiện

- Cơ chế đặc thù thực hiện Kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 được thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thực hiện cơ chế hỗ trợ, phân cấp, trao quyền cho địa phương, cơ sở; tăng cường sự tham gia của người dân trong thực hiện Kế hoạch. Khuyến khích, mở rộng hoạt động tạo việc làm công cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân trên địa bàn thông qua các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, đa dạng hóa sinh kế, mô hình giảm nghèo và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Thực hiện cơ chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định hiện hành về giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, giảm nghèo về thông tin và truyền thông về giảm

nghèo đa chiều; tập huấn, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, quản lý mô hình, mô hình giảm nghèo, dự án sinh kế; cơ chế hỗ trợ trực tiếp cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, người học nghề thuộc đối tượng của Kế hoạch.

- Áp dụng thống nhất các cơ chế, quy trình trong thực hiện các dự án, tiểu dự án của Kế hoạch; ưu tiên lựa chọn các nội dung hỗ trợ có định mức cao hơn; đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung hỗ trợ đầu tư của các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình trên cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng.

- Trên cơ sở tổng nguồn lực được giao, địa phương chủ động bố trí ngân sách, xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm để bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch đề ra.

- Áp dụng cách tiếp cận giảm nghèo dựa vào cộng đồng; mở rộng và tạo điều kiện để tăng cường sự tham gia của người dân về các hoạt động của Kế hoạch; bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

4. Công tác tuyên truyền

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần "tương thân, tương ái" của dân tộc ta đối với người nghèo. Khơi dậy ý chí tự lực tự cường trong lao động, sản xuất của bản thân người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.

b) Đổi mới phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng, phấn đấu “Vì một Việt Nam không còn đói nghèo”.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ chế quản lý, điều hành Chương trình

a) **Cấp huyện:** Ủy ban nhân dân huyện thành lập Ban Chỉ đạo cấp huyện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Trưởng ban. Phòng Tài chính - Kế hoạch là cơ quan tổng hợp 3 Chương trình; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; phòng Dân tộc hoặc bộ phận phụ trách công tác dân tộc chủ trì Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; các phòng, ban chuyên môn của huyện là thành viên Ban Chỉ đạo. Thành lập Tổ công tác của các chương trình mục tiêu quốc gia do 01 đồng chí lãnh đạo phòng chuyên môn chủ trì làm tổ trưởng.

b) Cấp xã: Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thành lập Ban quản lý Chương trình (gọi chung là Ban quản lý xã) để tổ chức thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn xã. Trưởng Ban là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; thành viên bao gồm: Công chức cấp xã phụ trách lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội; địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường, tài chính- kế toán; đại diện các đoàn thể chính trị - xã hội.

2. Phân công thực hiện

2.1. Phòng Tài chính- Kế hoạch

- Thực hiện chức năng cơ quan tổng hợp Chương trình.
- Chủ trì, phối hợp với Phòng, ban, đơn vị liên quan tổng hợp, cân đối, bố trí vốn, thẩm định nguồn vốn đầu tư Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định.
- Chủ trì, phối hợp với các Phòng, ban liên quan trình UBND huyện ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Trùng Khánh giai đoạn 2021-2025.
- Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương Kế hoạch thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo gửi các phòng, ban liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn theo quy định.
- Tham mưu UBND huyện trình HĐND huyện quyết định: Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các CT MTQG và các Chương trình, dự án khác trên địa bàn; cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù.
- Tham mưu cho UBND huyện ban hành quy định về quản lý, tổng hợp thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định.

2.2. Phòng Kinh tế - Hạ tầng

- **Thực hiện Dự án 1:** Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện ban hành các quy định trong tổ chức thực hiện quản lý đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù;
- **Chủ trì Dự án 5:** Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tham mưu UBND huyện trình HĐND huyện quyết định: mức hỗ trợ, phương thức, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, 22, 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

- Tham mưu cho UBND huyện ban hành quy định về cơ chế quay vòng một phần hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng.

Chủ trì Tiểu dự án 1 - Dự án 3: Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.4. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các Phòng, ban liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định;

- **Chủ trì thực hiện các dự án: Dự án 1, Dự án 2, Dự án 4, Tiểu dự án 2 – Dự án 6, Dự án 7;** theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo kết quả định kỳ, đột xuất gửi Phòng Tài Chính - Kế hoạch tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Chủ trì, phối hợp với các Phòng, ban liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn hướng dẫn quy trình giám sát, đánh giá, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo UBND huyện theo quy định.

2.5. Phòng Văn hóa - Thông tin và Trung tâm Văn hóa - Truyền thông

Thực hiện Dự án 6: Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chủ trì Tiểu dự án 1 - Dự án 6: Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.6. Phòng Y tế

Chủ trì Tiểu dự án 2 - Dự án 3: Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.7. Trung tâm GDNN - GDTX huyện

Thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 4: Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.8. Trách nhiệm của các phòng, ban liên quan

- Tham gia triển khai nội dung Chương trình trong phạm vi và nội dung, nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực do Phòng, ban quản lý;

- Các Phòng, ban, được phân công thực hiện các chính sách giảm nghèo chịu trách nhiệm rà soát, xây dựng, hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách giảm nghèo gắn với chính sách, chương trình và kế hoạch phát triển của Phòng, ban; đồng thời chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, thực hiện ở cơ sở.

2.9. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Xây dựng Kế hoạch triển khai Chương trình giảm nghèo bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới có hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

- Chủ động phối hợp với các Phòng, ban, ngành của huyện (các cơ quan chủ trì dự án, chủ trì tiểu dự án) triển khai thực hiện dự án đạt hiệu quả.

- Hằng năm thực hiện rà soát, hộ nghèo, hộ cận nghèo theo hướng dẫn của Sở, phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, cập nhật thường xuyên các nguyên nhân của hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm cơ sở cho việc lập kế hoạch giải quyết các chiều thiếu hụt.

- Chủ trì tổ chức huy động, vận động tối đa nguồn lực để thực hiện Chương trình, đặc biệt là tập trung huy động nguồn lực để thực hiện hoàn thành đề án xóa nhà tạm, nhà dột nát giai đoạn 2021-2025.

- Lòng ghép nguồn vốn Chương trình MTQGGNBV với các nguồn vốn của các Chương trình phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn để giải quyết các chiều thiếu hụt của hộ nghèo, hộ cận nghèo như: nước sạch, vệ sinh môi trường, tiếp cận thông tin...

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra giám sát đánh giá tại cơ sở và tại các hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm phát hiện các sai sót uốn nắn kịp thời.

- Chấp hành chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (khi cần thiết) về tình hình triển khai thực hiện Chương trình về Ủy ban nhân dân huyện (qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát.

2.10. Hàng năm kiện toàn Ban giảm nghèo; Ban quản lý chương trình

2.11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội: Thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Trùng Khánh. Theo chức năng nhiệm vụ tổ chức vận động nhân dân, hội viên, đoàn viên tích cực tham gia thực hiện chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững; phát động các phong trào để giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo về hỗ trợ làm nhà ở, phát triển sản xuất...và đẩy mạnh các hoạt động chăm lo cho người nghèo.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Trùng Khánh giai đoạn 2021-2025./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Lao động - TBXH;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các CQĐV, ban ngành, đoàn thể huyện;
- Thành viên BCĐ CTMTQG huyện;
- ĐU, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, LĐTBMH.

CHỦ TỊCH

Nông Văn Bộ